

Tên \_\_\_\_\_

Ngày \_\_\_\_\_

## ***Bài Tập Tại Nhà #8***

### ***Bài Số 14 – Ng***

***I. Em hãy học thuộc lòng các từ vựng bắt đầu bằng Ng sau đây***  
***Memorize the following words and their meanings***

1. *Nga – Russia or name of a person*
2. *Té ngã – to fall; to tumble down*
3. *Ngà voi – elephant's tusk*
4. *Ngày – day, date*
5. *Ngó – to look at*
6. *Ngò – cilantro*
7. *Ngô – corn*
8. *Ngủ – sleep*
9. *Ngủ mê – dream; sleep soundly*
10. *Ngủ khò (ngủ khì) – sleep soundly; sleep like a log*
11. *Ngư phủ – fisherman*

**III. Em sắp chữ lại cho hợp nghĩa và viết vào hàng dưới.**

**Arrange the words for each sentence that makes most sense and then write them down on line below**

1. ăn phở/ Em/ không có/ thích/ ngò

---

2. bẻ/ ngô/ phụ/ Nga/ bà

---

3. có/ Con gì/ ngà/ ?

---

4. Em/ ngã/ u đầu/ té

---

5. giả bộ/ bé/Em/ngủ mê

---

**\*\* Xin phụ huynh kiểm bài tập của các em và giúp các em học thuộc lòng những từ ngữ vựng bắt đầu bằng Gh. Sẽ có bài kiểm (quiz) vào tuần tới**

**Xin phụ huynh ký tên: \_\_\_\_\_**